**PHIẾU BÀI TẬP**

**Dạng 1: Đọc và mô tả biểu đồ hình quạt tròn**

*Bài 1:* Hãy đọc các thông tin từ biểu đồ sau đây và lập bảng thống kê tương ứng:

*Bài 2:* Sử dụng các thông tin từ biểu đồ sau để trả lời các câu hỏi.

|  |  |
| --- | --- |
|  | a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?  b) Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?  c) Tỉ lệ phần trăm của mỗi đối tượng so với toàn thể là bao nhiêu? |

*Bài 3:* Cho biểu đồ như hình vẽ

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Cho biết tiêu đề của biểu đồ này? 2. Hình tròn trong biểu đồ được chia thành mấy hình quạt? Mỗi hình quạt biểu diễn số liệu nào? 3. Số lượng trái cây lớn nhất? Chiếm bao nhiêu phần trăm?   d.Tổng số lượng trái cây là  .Tính số lượng mít? |

*Bài 4:*  Biểu đồ cho biết tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng.

a. Cho biết tiêu đề của biểu đồ này?

b. Hình tròn trong biểu đồ được chia thành mấy hình quạt? Mỗi hình quạt biểu diễn số liệu nào?

c. Lập bảng thống kê biểu diễn tỉ lệ phần trăm thành phần của đất tốt cho cây trồng

*Bài 5:* Một cuộc thăm dò ý kiến trên mạng Internet về việc không cho học sinh THCS dùng điện thoại di động cho kết quả trong biểu đồ sau:

1. Cho biết biểu đồ gồm những thành phần nào?
2. Lập bảng thống kê cho biết tỉ lệ phần trăm đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến

*Bài 6:*  Sử dụng thông tin từ biểu đồ bên dưới để trả lời các câu hỏi sau:

a. Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?

b. Có bao nhiêu đối tượng được biểu diễn?

c. Tỉ lệ phần trăm của mỗi đối tượng so với toàn thể?

**Dạng 2: Biểu diễn dữ liệu vào biểu đồ hình quạt tròn**

*Bài 1:*  Bảng dưới đây cho biết tỉ lệ học sinh cấp THCS của một thành phố lớn tới trường theo phương tiện:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phương tiện | Ô tô | Xe buýt | Xe đạp | Đi bộ |
| Tỉ lệ |  |  |  |  |

Hãy hoàn thiện biểu đồ vào vở để biểu diễn bảng thống kê này:

 Ô tô ;  xe đạp;  xe buýt;  đi bộ;

*Bài 2:* Một chuyên gia đã đưa ra phương pháp chi tiêu hiệu quả trong gia đình theo quy tắc  như sau:  cho chi tiêu thiết yếu (Tiền ăn uống, thuê nhà, chi phí đi lại,…),  cho các khoản tài chính (tiết kiệm mua nhà, mua xe, lập quỹ dự phòng,…),  cho chi tiêu cá nhân (du lịch, giải trí, mua sắm,…)

1. Hoàn thiện biểu đồ vào vở:

***Nguyên tắc chi tiêu trong gia đình***

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Chi tiêu thiết yếu*  *Chi cho các khoản tài chính*  *Chi cho cá nhân* |

b. Một giađình có tổng thu nhập trong tháng lầ  triệu đồng thì số tiền chi tiêu cho các khoản là bao nhiêu?

*Bài 3:* Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau đây vào biểu đồ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỉ lệ các mục chi phí sinh hoạt một tháng của gia đình bạn A** | |
| ***Mục chi tiêu*** | ***Chi phí ( Đồng)*** |
| Ăn uống |  |
| Giáo dục |  |
| Điện nước |  |
| Các khoản khác |  |

***Biểu đồ:***

***Tỉ lệ các mục chi phí sinh hoạt một tháng***

***của gia đình bạn A.***

|  |  |
| --- | --- |
|  | Ăn uống  Giáo dục  Điện nước  Các khoản khác |

*Bài 4:* Hãy biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê sau đây vào biểu đồ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tỉ lệ ngân sách cấp cho các dự án bảo vệ môi trường của thành phố A** | |
| ***Dự án*** | ***Tỉ lệ ngân sách*** |
| Xử lý chất thải sinh hoạt |  |
| Trồng thêm cây xanh |  |
| Nạo vét kênh rạch |  |
| Xây thêm công viên |  |

Biểu đồ:

*Bài 5:*  Tính tỉ số phần trăm loại con vật nuôi ở nông trường Phong Phú.

Sau đó biểu diễn dữ liệu từ bảng thống kê vào đồ hình quạt tròn sau

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng con vật nuôi tại nông trường Phong Phú** | | | | |
| ***Loại con vật nuôi*** | Bò | Lợn | Gà | Thỏ |
| ***Số lượng*** |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Biểu đồ**  **Số lượng vật nuôi tại nông trường Phong Phú.** | Bò  Lợn  Gà  Thỏ |

**Dạng 3: Phân tích dữ liệu trong biểu đồ hình quạt tròn.**

*Bài 1:* Cho biểu đồ sau:

a. Lập bảng thống kê biểu diễn tỉ lệ phần trăm thể loại phim yêu thích của 80 học sinh lớp 7?

b. Trong số 80 học sinh khối 7, có bao nhiêu học sinh thích phim phiêu lưu, mạo hiểm?

*Bài 2:* Chỉ số BMI ở người Việt Nam trưởng thành được cho trong biểu đồ sau:

a.Một người BMI  23 thì được coi là thừa cân. Tính tỉ lệ người Việt Nam trưỏng thành bị thừa cân?

b. Tìm giá trị điền vào dấu “?” trong biểu đồ.

*Bài 3:* Cho biểu đồ:

a) Hãy cho biết thành phần nào sinh năng lượng nhiều nhất trong khẩu phần ăn của hộ gia đinh cùng đồng bằng sông Cửu Long?

b) Lập bảng thống kê biểu diễn số liệu trong biểu đồ này?

*Bài 4:*

Hãy phân tích dữ liệu được biểu diễn trên biểu đồ sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **Loại** | **Tỉ lệ xếp loại hạnh kiểm học sinh lớp 7C** | | Tốt |  | | Khá |  | | Đạt |  | | Không Đạt |  | |  |

**Dạng 4: Bài toán vận dụng**

*Bài 1:*

Biểu đồ hình quạt sau biểu diễn lượng phát khí thải nhà kính trong 3 lĩnh vực: Nông nghiệp, năng lượng, chất thải vào năm 2020 của Việt Nam ( Tính theo tỉ số phần trăm)

1. Lĩnh vực nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong việc tạo ra khí nhà kính vào năm 2020?
2. Tính lượng khí nhà kính được tạo ra ở từng lĩnh vực. Biết rằng tổng lượng phát khí thải nhà kính trong ba lĩnh vực nói trên vào năm 2020 của Việt Nam là 466 triệu tấn khí Cacbonic tương đương ( Tức là những khí nhà kính khác đều được quy đổi về khí Carbonic khi tính khối lượng)
3. Nêu một số biện pháp mà chính phủ đưa ra nhằm giảm lượng khí thải và giảm bớt tác động của khí nhà kính.

***Bài 2:***

Tổng lượng khí thải nhà kính đến từ các hoạt động và lĩnh vực kinh doanh ở Singapore khoảng 77,2 triệu tấn khí Cacbonic tương đương, biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn lượng phát thải khí nhà kính ở từng lĩnh vực trong năm 2020 của Singapore ( tính theo tỉ số phần trăm)

1. Tính lượng khí nhà kính được tạo ra ở từng lĩnh vực
2. Hoàn thành số liệu ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lĩnh vực | Công nghiệp | Vận tải | Xây dựng | Hộ gia đình | Hoạt động và các lĩnh vực khác |
| Lượng khí nhà kính *(triệu tấn)* |  |  |  |  |  |

**Bài 3:**

Năm 2020 Việt Nam xuất khẩu (ước đạt) triệu tấn gạo, thu được  tỉ đô la Mỹ. Biểu đồ hình quạt dưới đây biểu diễn khối lượng xuất khẩu của mỗi loại gạo trong tổng số gạo xuất khẩu ( tính theo tỉ số phần trăm )

1. Tính lượng xuất khẩu trong năm 2020 của từng loại gạo : gạo trắng, gạo thơm, gạo nếp?
2. Tính khối lượng gạo trắng xuất khẩu nhiều hơn tổng khối lượng gạo thơm và gạo nếp xuất khẩu trong năm 2020?